

Số: 1229/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 20 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04/10/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế;

Căn cứ Công văn số 317/TT HĐND ngày 16/6/2022 của Thường trực HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 200/TTr-STC ngày 07/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi 315 danh mục, số lượng máy móc, thiết bị chuyên dùng của 9 phụ lục kèm theo Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND tỉnh (có Phụ lục I kèm theo).

2. Bổ sung 625 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng của 9 phụ lục kèm theo Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND tỉnh (có Phụ lục II kèm theo).

3. Bãi bỏ 68 danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng của 5 phụ lục kèm theo Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND tỉnh (có Phụ lục III kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, nội dung trình UBND tỉnh phê duyệt sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Chủ động tổ chức thanh tra, kiểm tra nếu phát hiện thiếu sót, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo giải quyết kịp thời, đồng thời chịu trách nhiệm toàn diện trước các kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán và các cơ quan pháp luật Nhà nước.

2. Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ thực hiện theo Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (B/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung Tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, Hà 200 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu



Phụ lục I
SỬA ĐỔI TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRẠNG BỊ MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG DÙNG QUÝ ĐỊNH
TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1184/QĐ-UBND NGÀY 11/6/2020 CỦA UBND TỈNH
(Kèm theo Quyết định số: 1229/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh)



Số TT	Danh mục	Nội dung quy định tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND		Nội dung sửa đổi	
		Danh mục	Số lượng	Danh mục	Số lượng
	PHỤ LỤC II - NGÀNH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG				
IV	Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường				
1	Bể cách thủy		1		2
3	Bộ dụng cụ lấy mẫu chất thải rắn		1		2
4	Bộ cất Cyanua		1		5
5	Bộ cất phenol		1		4
6	Bộ cất quay chân không		1		2
7	Bộ chiết chất hoạt động bề mặt		2		4
8	Bộ chiết Soxhlet		1		3
9	Bộ đếm khuẩn lạc		1		2
10	Bộ khoan lấy mẫu chất thải rắn hiện trường		1		2
11	Bộ lấy mẫu thủy sinh (động vật nổi, thực vật nổi, động vật đáy)		1		3
13	Bộ thiết bị, dụng cụ phục vụ phân tích BOD (gồm tủ ấm BOD, chai BOD, Máy sục khí)		1		3
14	Bộ xác định BOD track		1		3

Số TT	Danh mục	Nội dung quy định tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND		Nội dung sửa đổi	
		Danh mục	Số lượng	Danh mục	Số lượng
15	Hòm chân không		2		5
17	Cân kỹ thuật		1		3
18	Cân phân tích		1		3
19	Dụng cụ lấy mẫu nước theo tầng loại đứng		1		3
20	Dụng cụ lấy mẫu nước theo tầng loại ngang		1		3
21	Gầu lấy mẫu bùn trầm tích		1		3
22	Gầu lấy mẫu bùn trầm tích đáy (tàng sâu) kiểu van veen		1		3
24	Máy điều hòa nhiệt độ (phòng thí nghiệm)		8		10
25	Máy đo DO để bàn (có đầu đo cho phân tích BOD5)		1		2
26	Máy đo điện từ trường		1		2
27	Máy đo độ ồn tích phân		2		4
28	Máy đo độ rung tích phân		1		4
29	Máy đo pH		1		2
30	Máy đo từ trường		1		2
31	Máy định vị vệ tinh (GPS)		2		4
32	Máy khuấy từ gia nhiệt		2		4
33	Máy hút ẩm		2		4
34	Máy lắc đứng		1		2
35	Máy lắc ngang		1		2
36	Nồi hấp tiệt trùng		2		4
38	Thiết bị chưng cất đạm		1		2
39	Thiết bị đo EC/TDS/Độ mặn cầm tay		2		3

Số TT	Danh mục	Nội dung quy định tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND		Nội dung sửa đổi	
		Danh mục	Số lượng	Danh mục	Số lượng
40	Thiết bị đo đa chỉ tiêu nước cầm tay		3		4
41	Thiết bị đo đục (NTU) hiện trường		1		2
42	Thiết bị đo khí thải ống khói (bao gồm máy đo khí thải và bộ khí chuẩn hiện trường đi kèm)		1		2
43	Thiết bị đo lưu tốc độ dòng chảy (kênh hở)		1		2
44	Thiết bị đo nhiệt ẩm kế		1		4
45	Thiết bị đo nhiệt độ, áp suất, lưu tốc khí thải ống khói		1		2
46	Thiết bị đo nhiệt độ, pH hiện trường		3		5
47	Thiết bị đo ôxy hòa tan (DO) hiện trường		3		5
48	Thiết bị lấy mẫu bụi PM10, PM2.5		2		10
49	Thiết bị lấy mẫu TSP		5		8
50	Thiết bị phân tích COD (bếp đun phá mẫu, máy so màu đồng bộ)		1		3
51	Tủ áp vi sinh		2		4
52	Tủ cấy vi sinh		1		2
53	Tủ hút chân không		1		3
54	Tủ hút khí độc		3		4
55	Tủ lạnh		3		7
56	Tủ sấy loại nhỏ		1		2
57	Tủ sấy loại to		1		4

Số TT	Danh mục	Nội dung quy định tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND		Nội dung sửa đổi	
		Danh mục	Số lượng	Danh mục	Số lượng
V	KT công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường				
		Máy GPS 2 tần số		Máy định vị GPS	
	PHỤ LỤC IV - NGÀNH VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH				
III	Nhà hát ca múa nhạc				
1	Âm ly các loại		12		15
2	Bảng mixer điều khiển ánh sáng		2		4
3	Công suất âm thanh các loại		6		20
4	Công suất ánh sáng các loại		10		12
5	Đàn Ooc gan		5		6
6	Đàn Piano cơ		2		3
7	Đàn Piano điện		3		4
8	Đèn Led các loại		16		150
9	Đèn moving các loại		103		116
10	Đèn Rô bốt		2		20
11	Hộp cáp tín hiệu (Analog và Digital các loại)		4		8
12	Loa các loại		77		100
13	Máy quay phim mini ưu tiên am thanh, âm thanh		2		10
14	Máy ghi âm phục vụ công tác sưu tầm		2		4
15	Máy quay phim phục vụ công tác sưu tầm		1		2

Số TT	Danh mục	Nội dung quy định tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND		Nội dung sửa đổi	
		Danh mục	Số lượng	Danh mục	Số lượng
16	Máy tạo khối		6		8
17	Micro các loại (Không dây, có dây)		42		132
18	Ôn áp		2		4
19	Sáo các loại		10		40
20	Sáo Plute		1		2
21	Trống dân tộc các loại		25		30
22	Trống điện		1		3
23	Trống Percussion		2		3
24	Tù ất 3 pha âm thanh (Tù nguồn)		3		6
25	Xe nâng chuyên thiết bị bằng tay		1		2
PHỤ LỤC VI - CƠ SỞ GIÁO DỤC					
B CẤP TIỂU HỌC					
I	Thiết bị dùng chung				
-		Bộ máy chiếu		Bộ máy chiếu/Smart TV	
II	Thiết bị lớp học				
-		Bộ máy chiếu		Bộ máy chiếu/Smart TV	
III	Thiết bị lắp đặt tại các phòng chức năng				
1	Phòng học tin học				
		Bộ máy chiếu		Bộ máy chiếu/Smart TV	
3	Phòng âm nhạc				
		Bộ máy chiếu		Bộ máy chiếu/Smart TV	

Số TT	Danh mục	Nội dung quy định tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND		Nội dung sửa đổi	
		Danh mục	Số lượng	Danh mục	Số lượng
4	Phòng máy thuật				
		Bộ máy chiếu		Bộ máy chiếu/Smart TV	
8	Phòng truyền thống				
		Bộ máy chiếu		Bộ máy chiếu/Smart TV	
V	Thư viện				
		Bộ máy chiếu		Bộ máy chiếu/Smart TV	
C	CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ				
I	Thiết bị dùng chung				
		Bộ máy chiếu	1	Bộ máy chiếu/Smart TV	2
II	Thiết bị trang bị cho lớp học				
		Bộ máy chiếu		Bộ máy chiếu/Smart TV	
III	Thiết bị lắp đặt tại các phòng chức năng				
11	Phòng truyền thống				
		Bộ máy chiếu		Bộ máy chiếu/Smart TV	
V	Thư viện				
		Bộ máy chiếu		Bộ máy chiếu/Smart TV	
D	CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG				
II	Thiết bị lớp học				
		Bộ máy chiếu		Bộ máy chiếu/Smart TV	
V	Thiết bị lắp đặt tại các phòng chức năng				
1	Phòng tin học				
		Bộ máy chiếu		Bộ máy chiếu/Smart TV	



Số TT	Danh mục	Nội dung quy định tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND		Nội dung sửa đổi	
		Danh mục	Số lượng	Danh mục	Số lượng
		Bộ máy chiếu		Bộ máy chiếu/Smart TV	
2	Phòng học ngoại ngữ				
		Dài cassette có chức năng chạy đĩa CD		Loa kết nối bluetooth	
9	Phòng truyền thống				
		Bộ máy chiếu		Bộ máy chiếu/Smart TV	
VI	Nhà đa năng				
		Bộ máy chiếu		Bộ máy chiếu/Smart TV	
E	THIẾT BỊ PHỤC VỤ KỲ THI THPT QUỐC GIA (SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO)				
		Camera an ninh 1 phòng 4 camera	5	Camera an ninh 1 phòng 2 camera (kèm phụ kiện)	11
	Máy chấm thi trắc nghiệm		1		3
	Máy in A4, 2 mặt siêu tốc		1		2
	PHỤ LỤC VII - KHỐI NGÀNH PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH				
4		Bảng cảm cho tín hiệu âm thanh bao gồm patchpanel và cáp kết nối	18	Bảng cảm cho tín hiệu Audio	6
8		Bộ cân bằng tải	2	Router cân bằng tải kết nối Internet	3
15		Card chuyển đổi SDI - Analog	4	Bộ chuyển đổi tín hiệu Analog - Digital, Digital - Analog	10

Số TT	Danh mục	Nội dung quy định tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND		Nội dung sửa đổi	
		Danh mục	Số lượng	Danh mục	Số lượng
17		Bộ chuyển mạch on-air cho âm thanh và video cho tổng không chế	1	Switcher for audio and video On-air	2
22		Bộ đồng bộ - chuyển đổi up/down 3G HD/SDI chuyển đổi định dạng đa chức năng	11	Bộ chuyển đổi định dạng tín hiệu	10
23		Bộ dựng phi tuyến NLE có tính năng sửa lỗi trực tiếp và các phụ kiện kèm theo	2	Màn hình hiển thị cho các máy tính dựng CT	62
25		Bộ dựng Proxy (Sơ dựng)	20	Máy tính sơ dựng	10
28		Bộ giải nhúng tiếng SDI	8	Bộ giải nhúng tín hiệu âm thanh từ tín hiệu SDI, HDMI	24
31		Bộ khuếch đại tai nghe 5 đường	4	Bộ khuếch đại âm thanh cho tai nghe	10
32		Bộ KVM hiển thị màn hình máy chủ 8 cổng vào	2	Bộ điều khiển nhiều server KVM (bao gồm màn hình điều khiển KVM 17" và)	4
37		Bộ nén, hạn chế mức âm thanh	4	Bộ giảm mức tín hiệu âm thanh và độ trễ	16



Số TT	Danh mục	Nội dung quy định tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND		Nội dung sửa đổi	
		Danh mục	Số lượng	Danh mục	Số lượng
38		Bộ nhắc lời cho phát thanh viên LCD monitor $\geq 17''$		Bộ nhắc lời cho MC bao gồm phụ kiện	
39		Bộ nhúng tiếng SDI	8	Bộ nhúng tín hiệu âm thanh vào tín hiệu SDI	24
41		Bộ tai nghe giám sát không dây (Set wireless in ear monitoring)	10	Tai nghe không dây in ear	12
42		Bộ tạo hiệu ứng âm thanh	4	Bộ xử lý, tạo hiệu ứng âm thanh	16
48		Bộ trộn âm thanh kỹ thuật số	16	Bộ trộn âm kỹ thuật số	23
51		Camera cho phòng viên loại nhỏ và phụ kiện kèm theo		Camera loại cầm tay và phụ kiện kèm theo	
52		Camera cho phòng viên loại vắc vai và phụ kiện kèm theo (không kèm ống kính)	10	Camera loại vắc vai phụ kiện kèm theo	15
55		Camera ngụy trang	1	Camera ngụy trang bao gồm phụ kiện	2
56		Camera quay đêm		Camera quay ban đêm bao gồm phụ kiện	
57	Cần cầu cho máy quay chiều dài tối đa 11 mét với điều khiển máy quay, zoom, điều khiển focus và màn hình màu 9"		1		2

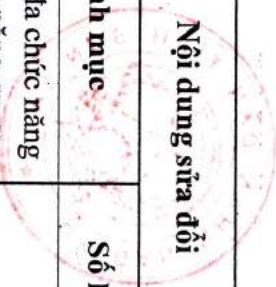
Số TT	Danh mục	Nội dung quy định tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND		Nội dung sửa đổi	
		Danh mục	Số lượng	Danh mục	Số lượng
61		Đèn LED lưu động (gồm đèn, chân đèn, hộp đựng)	6	Đèn cho camera	65
62		Đồng hồ số treo tường đồng bộ theo GPS	6	Đồng hồ số treo tường	5
63		Flycam	1	Flycam kèm phụ kiện	3
68		Hệ thống cấp tín hiệu đồng bộ tổng thể từ tổng khống chế đến Studio và các hệ thống khác	1	Bộ tạo xung đồng bộ hệ thống	5
71		Hệ thống giám sát âm thanh (Bộ hiển thị mức, tai nghe, loa kiểm tra, ...)	12	Bộ hiển thị mức âm thanh Analog, Digital	13
73		Hệ thống làm chậm Video		Bộ làm chậm hình ảnh 4 đường	
74		Hệ thống lưu trữ dữ liệu sử dụng băng từ LTO 6 hoặc cao hơn, tối thiểu 48 Slot Tape, dung lượng tối thiểu 120 TB		Hệ thống lưu trữ dữ liệu băng LTO quản lý tối đa 48 tape	
84		Hệ thống Trường quay ảo	1	Thiết bị trường quay ảo	2



Số TT	Danh mục	Nội dung quy định tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND		Nội dung sửa đổi	
		Danh mục	Số lượng	Danh mục	Số lượng
75		Hệ thống máy phát FM công suất 5000W bao gồm: Máy phát, hệ thống anten, tải giả 10KW	1	Hệ thống máy phát sóng phát thanh FM	2
87		Loa kiểm âm	54	Loa kiểm tra	78
91		Màn hình LED gắn tường kích thước 8,000mm (W) x 4,500mm (H) -36m ² ; Pixel pitch: 3,9mm; Brightness: >1,200 Nits		Hệ thống Màn LED background cho sân khấu	
99		Máy hiển thị sóng	8	Máy hiển thị sóng HD SDI Component Waveform and Vector Display	5
100		Máy phát thanh AM công suất 50000W	2	Hệ thống máy phát sóng phát thanh AM (bao gồm 01 máy phát dự phòng)	1
101	Máy tạo khối sân khấu		4		6
102		Máy tính bảng có kết nối 3G, 4G để duyệt chương trình lưu động	3	Máy tính bảng và thiết bị điện tử tương đương	4

Số TT	Danh mục	Nội dung quy định tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND		Nội dung sửa đổi	
		Danh mục	Số lượng	Danh mục	Số lượng
105		Máy tính lập Playlist kèm phần mềm tự động chuyển Playlist, điều khiển Video Hub		Thiết bị lập playlist điều khiển Server Playback và bộ định tuyến âm thanh	
106		Máy tính Laptop dựng, gửi chương trình	22	Máy tính Laptop dựng, gửi chương trình truyền hình, trình chiếu	30
108		Máy tính Playback chương trình phát thanh	4	Server Playback chương trình phát thanh	2
121	Server đồ họa		1		6
125		Server quản lý văn bản	2	Server quản lý tin bài và dữ liệu nội bộ	2
126		Server quản lý, trao đổi file audio, video		Server FTP truyền, nhận file tin, bài, chương trình	
127	Tai nghe kiểm tra		20		60
129		Tiền khuếch đại cho Micro nhạc cụ	3	Box Audio Interface	5
129		Tiền khuếch đại cho Micro nhạc cụ	3	Card Audio Interface cho phòng thu ca nhạc	4
134		Video Hub SDI 12x12 đường		Switcher điều khiển trực tiếp tín hiệu SDI	
III	PHỤ LỤC VIII - CÁC ĐƠN VỊ KHÁC				
	Sở Công thương				

Số TT	Danh mục	Nội dung quy định tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND		Nội dung sửa đổi	
		Danh mục	Số lượng	Danh mục	Số lượng
VIII	Sở Lao động thương binh và xã hội	Máy quay camera		Máy ảnh đa chức năng (có chức năng quay video)	
	Cơ sở điều trị nghiện ma túy				
11	Bộ bàn ghế phòng ăn học viên		100		300
21	Bình ô xy kèm mặt nạ thở		1		5
22	Camera an ninh giám sát		1		6
28	Giường cấp cứu		10		30
30	Hệ thống âm thanh sinh hoạt tập thể		1		4
34	Hệ thống phát thanh nội bộ		1		2
35	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy		1		2
37	Hệ thống nổi hơi		1		2
55	Máy vật lý trị liệu đa năng		2		5
60	Nồi nấu canh công nghiệp		10		20
62	Quạt hơi nước công nghiệp		5		25
63	Thảm và bộ cầu lông		2		4
67	Tivi		30		50
68	Tủ đựng đồ cá nhân học viên loại 10 ngăn		50		200
71	Tủ đựng thuốc cấp cứu		1		2
74	Tủ nấu cơm gas và điện		4		6
75	Tủ sấy dụng cụ tiệt trùng		1		3



Số TT	 Danh mục	Nội dung quy định tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND		Nội dung sửa đổi	
		Danh mục	Số lượng	Danh mục	Số lượng
	PHỤ LỤC IX.1 - KHỐI BỆNH VIỆN ĐA KHOA				
9	Bàn tiểu phẫu		2		3
53	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa		1		2
55	Bộ dụng cụ phẫu thuật VA - Amidan		2		3
58	Bộ dụng cụ PT ổ bụng		1		10
60	Bộ dụng cụ tán sỏi qua da		1		2
64	Bộ dụng cụ vi phẫu tai		1		2
72	Bộ hoạt động trị liệu		1		2
93	Bộ nẹp chân, tay, cổ		5		10
94	Bộ nội soi tán sỏi đường mật trong mổ		1		3
121	Bồn ngâm chân		20		30
128	Buồng điều trị bằng tia hồng ngoại xa với nhiệt độ tối đa 65°C		3		7
130	Cân điện tử		2		5
135	Cân sức khoẻ		2		10
142	Dao cắt nạo amydan		1		4
145	Đèn chiếu vàng da		2		10
146	Đèn Clar treo trần		4		6
164		Giường cấp cứu	13	Giường ICU	Theo nhu cầu
167	Giường sưởi ấm trẻ sơ sinh		4		8

Số TT	Danh mục	Nội dung quy định tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND		Nội dung sửa đổi	
		Danh mục	Số lượng	Danh mục	Số lượng
196	Hệ thống tắm trẻ sơ sinh tự động 1 vòi		1		2
234	Lồng ấp trẻ sơ sinh		6		20
258	Máy châm cứu không dùng kim		1		5
280	Máy điện châm trị liệu đa năng không dùng kim		1		4
284	Máy điện phân thuốc		2		3
370	Máy đo nồng độ bão hòa oxy trong máu		1		5
397		Máy hấp tiệt trùng	4	Máy hấp tiệt trùng nhiệt độ cao	5
411	Máy kéo giãn cột sống		3		5
486		Máy rửa dụng cụ hơi nước chạy điện	1	Máy rửa dụng cụ	3
516	Máy tách tiểu cầu		1		2
PHỤ LỤC IX.2-KHỎI BỆNH VIỆN CHUYỀN KHOA					
I	Bệnh viện Phong và Da liễu				
3	Bồn tắm thuốc		6		8
26	Máy laser He Ne bước sóng 632,8nm		2		4
III	Bệnh viện mắt				
2	Bàn tiểu phẫu		8		Theo nhu cầu
3	Bàn tit dụng cụ Inox		6		Theo nhu cầu
4	Bảng thí lực		10		20

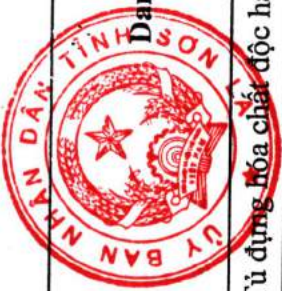
Số TT	Danh mục	Nội dung quy định tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND		Nội dung sửa đổi	
		Danh mục	Số lượng	Danh mục	Số lượng
6	Bình oxy và van giám áp		2		10
7	Bộ đặt nội khí quản		2		5
8	Bộ dụng cụ hỗ trợ mài lắp kính		1		3
9	Bộ dụng cụ mổ trung phẫu		17		20
10	Bộ dụng cụ mổ Phaco		15		30
11	Bộ dụng cụ thông lệ đạo		15		30
12	Bộ dụng cụ thử thị lực nhìn xa và nhìn gần		2		15
13	Bộ dụng cụ tiểu phẫu mắt		15		30
14	Bộ dụng cụ trích chấp lẹo		15		30
15	Bộ gọng thử kính: 14 cái (cỡ 54,56,58,60,62,64,66) mỗi cỡ 2 chiếc		5		10
16	Bộ mổ vi phẫu		7		15
17	Bộ nội nhuộm màu cho mắt kính		1		2
18	Bộ Trụ chéo Jackson: 3 cái ($\pm 0,5; \pm 0,25; \pm 1,0$)		3		5
19	Bồn rửa tay phẫu thuật viên		2		5
20	Bồn rửa tay Inox		2		Theo nhu cầu
22	Đèn đặt nội khí quản		2		5
23	Đèn đọc Xquang (Loại đèn đọc 2 phim và 4 phim)		3		5
24	Đèn gù		10		20
25	Đèn tiết trùng cực tím		10		20



Số TT	Danh mục	Nội dung quy định tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND		Nội dung sửa đổi	
		Danh mục	Số lượng	Danh mục	Số lượng
27	Đèn soi bóng đồng tử		3		10
28	Đèn soi dây mắt gián tiếp		10		15
29	Đèn soi dây mắt trực tiếp		10		15
32	Giá kê đựng dược liệu		10		Theo nhu cầu
33	Giường cấp cứu		2		Theo nhu cầu
34	Giường Inox bệnh nhân + tủ đầu giường		80		Theo nhu cầu
35	Hệ thống báo gọi y tá		1		2
36	Hệ thống máy lọc nước tinh khiết RO		1		4
41	Hộp thư kính		6		16
42	Kính hiển vi quang học		2		5
44	Kính Volk		10		20
45	Lò đốt chất thải rắn 15kg-20kg		1		2
47	Máy cắt đường		1		2
48	Máy chiếu điện thử thị lực		5		10
50	Máy chụp hình đáy mắt màu (Chụp võng mạc màu) tích hợp chụp cắt lớp OCT		1		2
54	Máy điều hòa nhiệt độ (dùng cho bệnh nhân)		30		Theo nhu cầu
55	Máy định tâm		1		2
57	Máy đo huyết áp		10		15
58	Máy đo khúc xạ tự động		3		5
62	Máy đo nồng độ bão hòa oxy máu		2		10

Số TT	 Danh mục	Nội dung quy định tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND		Nội dung sửa đổi	
		Danh mục	Số lượng	Danh mục	Số lượng
63	Máy đo phân cực		1		2
64	Máy đo số kính		1		2
69	Máy huỷ bom kim tiêm		3		6
70	Máy in laser		1		3
72	Máy khoan kính		1		2
75	Máy lọc không khí phòng mổ		3		6
77	Máy mài kính bằng tay		1		2
78	Máy mài kính tự động		1		2
81	Máy rửa dụng cụ hơi nước chạy điện		1		2
84	Máy sấy gọng kính nhựa		1		2
94	Máy xẻ rãnh kính		1		2
95	Máy xét nghiệm đông máu bán tự động		1		2
96	Máy xét nghiệm đông máu tự động		1		2
97	Máy xét nghiệm huyết học		1		2
101	Pipet các loại		3		10
102	Quạt thông gió		10		Theo nhu cầu
106	Tủ cấy vi sinh		1		2
107	Tủ đựng dụng cụ Inox		10		Theo nhu cầu
115	Xe đẩy dụng cụ		12		14
119	Xe đẩy đồ vải Inox		2		8
IV	Bệnh viện Y dược cổ truyền				

Số TT	Danh mục	Nội dung quy định tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND		Nội dung sửa đổi	
		Danh mục	Số lượng	Danh mục	Số lượng
13	Giường cấp cứu đa năng		2		5
18	Hệ thống phòng tập phục hồi chức năng đa năng		3		5
22	Hệ thống tủ y tế liệu bằng tia nước		3		7
38	Máy đo HbA1C		1		2
71	Máy xoa bóp toàn thân		9		10
VI	BỆNH VIỆN PHỔI				
3	Cân sức khỏe người lớn trẻ em có thước đo		1		4
14	Máy Gene Xpet MTB/RIF		1		2
17	Máy hút dịch màng phổi		1		2
21	Máy soi tai, mũi, họng		1		2
	PHỤ LỤC IX.3 - VĂN PHÒNG SỞ Y TẾ, KHÔİ TRƯNG TÂM TUYẾN TỈNH, CHİ CỤC TRỰC THUỘC SỞ Y TẾ				
I	Trung tâm kiểm soát bệnh tật				
4	Bàn điều khiển Miise		1		2
11	Bàn trộn âm thanh		1		2
46	Bơm định liều thuốc MMT		3		1
57	Đầu đọc thẻ		2		3
204	Nồi hấp tiết trùng		3		4
222	Tủ âm 37-42 độ		1		2
223	Tủ âm menmet		2		1

Số TT	 Danh mục	Nội dung quy định tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND		Nội dung sửa đổi	
		Danh mục	Số lượng	Danh mục	Số lượng
228	Tủ đựng hóa chất độc hại		1		3
231	Tủ lạnh		2		3
233	Tủ lạnh âm sâu		3		2
237	Tủ lạnh đựng bệnh phẩm		1		2
238	Tủ sạch		1		2
248	Xe cáng đẩy bệnh nhân Inox		3		2
III	Trung tâm pháp y				
30	Vani khám nghiệm + bộ dụng cụ mổ xác		2		3
	PHỤ LỤC IX.4 - VẤN PHÒNG SỞ Y TẾ, KHỐI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN/THÀNH PHỐ, TRẠM Y TẾ XÁ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN				
1	Ba lon ô xy hoặc bình ô xy xách tay có đồng hồ Caire INC		1		3

Phụ lục II

**BỘ SƯNG TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG
QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1184/QĐ-UBND NGÀY 11/6/2020 CỦA UBND TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số: 1229/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
	PHỤ LỤC II - NGÀNH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG			
III	Văn phòng Đăng ký đất đai			
1	Máy tính để bàn có cấu hình cao	Bộ	139	
IV	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường			
1	Thiết bị đo ánh sáng	Bộ	4	
2	Thiết bị đo bụi nhanh	Cái	4	
3	Thiết bị đo bức xạ nhiệt	Cái	4	
4	Thiết bị đo phóng xạ	Bộ	2	
	PHỤ LỤC IV - NGÀNH VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH			
I	Bảo tàng tỉnh			
1	Điều hòa cây bảo quản hiện vật vải	Bộ	2	
2	Điều hòa treo tường phục vụ bảo quản hiện vật khảo cổ, giấy	Bộ	2	
3	Hệ thống ánh sáng trưng bày kèm thiết bị	Bộ	10	
4	Hệ thống âm thanh kèm các thiết bị kết nối (Loa, Amply, Mixer, Micro...) phục vụ sự kiện, nhiệm vụ chính trị tại các điểm	Bộ	5	
5	Hệ thống giá di động tay quay (Tủ hồ sơ di động)	Bộ	2	
6	Máy chiếu kỹ thuật số	Bộ	2	
7	Máy hút bụi (hút tàn hương bụi bẩn trên ban thờ, họa tiết gỗ) tại các điểm	Cái	5	
8	Ổ cứng lưu trữ dữ liệu	Cái	10	
9	Tủ chống ẩm bảo quản phim, ảnh	Cái	5	
10	Tủ làm lạnh (Bảo quản sách Thái cổ)	Cái	2	
11	Xe nâng hàng, hiện vật	Xe	3	
II	Thư viện tỉnh			
1	Bàn cắt xén tài liệu	Cái	1	
2	Bàn chải tu bổ tài liệu	Bộ	2	

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
3	Bàn là chuyên dụng (phục chế tài liệu giấy)	Cái	1	
4	Bàn tọa đàm bàn đọc	Cái	20	
5	Bộ lưu điện	Cái	1	
6	Đèn kiểm tra tài liệu bằng tia cực tím	Cái	2	
7	Giá để tài liệu di động	Cái	5	
8	Máy ảnh	Cái	1	
9	Máy chủ	Bộ	1	
10	Máy đo độ ẩm	Cái	2	
11	Máy đo nhiệt độ phòng bảo quản	Cái	2	
12	Máy hút ẩm	Cái	5	
13	Máy Scan	Cái	2	
14	Ổ cứng	Cái	2	
15	Switch	Cái	1	
16	Thiết bị kiểm kê sách di động	Cái	2	
17	Thiết bị lưu trữ	Cái	1	
18	Thiết bị tường lửa	Cái	1	
19	Tivi gắn trên xe ô tô lưu động	Cái	1	
20	Tủ hút khí độc	Cái	1	
21	Tủ khử trùng âm sâu	Cái	1	
22	Tủ rack	Cái	1	
23	Tủ sấy băng cắt sét, đĩa CD, VCD, DVD,...	Cái	1	
III	Nhà hát ca múa nhạc			
1	Bàn Mixer điều khiển ánh sáng	Bộ	4	
2	Bàn Mixer điều khiển âm thanh các loại	Bộ	6	
5	Bộ khung định hình sân khấu	Bộ	2	
2	Bộ lên dây đàn Piano	Bộ	2	
9	Chân đèn các loại	Bộ	16	
7	Chân giá treo, cắm loa các loại	Bộ	20	
19	Đàn Guita gỗ các loại	Cái	4	
13	Đèn khán giả Blinder	Cái	20	
15	Đèn par	Cái	60	
16	Đèn Profile	Cái	20	
17	Đèn Sky light	Chiếc	4	
18	Đèn Spot Profile	Cái	20	
23	Hòm, thùng đựng các loại thiết bị khác.	Chiếc	80	
20	Hộp Box line âm thanh các loại	Bộ	12	

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
21	Hộp tiếng đàn phím	Bộ	6	
22	Hộp tiếng phông thu	Bộ	4	
27	Kèn các loại khác	Cái	12	
28	Khèn, kèn dân tộc các loại	Cái	40	
33	Màn hình LED	Chiếc	1	
29	Máy đo cường độ âm thanh	Chiếc	2	
35	Máy hút ẩm kho trang phục đạo cụ, kho thiết bị âm thanh, ánh sáng	Chiếc	4	
36	Máy hút bụi	Chiếc	4	
31	Máy tạo khói nặng	Cái	4	
32	Máy tạo khói nhẹ	Cái	4	
30	Micro cài áo, cài tai, cài nhạc cụ	Bộ	30	
38	Ôn áp các loại	Cái	4	
45	Sound card ánh sáng các loại	Bộ	4	
44	Sound card âm thanh các loại	Bộ	4	
46	Thiết bị tạo hiệu ứng âm thanh Analog, Digital các loại	Bộ	10	
48	Tủ Rack bảo quản thiết bị ánh sáng các loại	Chiếc	40	
47	Tủ Rack bảo quản thiết bị âm thanh các loại	Chiếc	20	
49	Xe động cơ nâng di chuyển thiết bị nặng	Chiếc	2	
IV	Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT			
1	Bàn bóng bàn để tổ chức các giải thi đấu trong tỉnh	Bàn	5	
2	Bàn bóng bàn dùng cho vận động viên thành tích cao tập luyện	Cái/đội	2	
3	Bàn chạy xe đạp tại chỗ	Cái/vđv	1	
4	Bộ bảng di động bóng rổ	Cái	2	
5	Bộ ghế ném đẩy vận động viên	Bộ	1	
6	Cột, lưới (bóng chuyền)	Bộ	2	
7	Dàn gánh tạ đa năng	Bộ	6	
8	Đài đấu các môn võ	Cái/môn	1	
9	Đầu chạy băng đĩa	Cái	1	
10	Đèn báo hạ tạ chuyên môn	Cái/đội	1	
11	Đồng hồ đo mạch, nhịp tim, bước nhảy (Đa chức năng)	Chiếc/đội	1	
12	Đồng hồ đo nhịp tim cá nhân	Chiếc/vđv	1	
13	Ghế trọng tài quần vợt	Cái	4	

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
14	Già gánh tạ	Đôi/vđv	1	
15	Giàn tập hỗ trợ động tác đẩy	Bộ/đội	1	
16	Giáp điện tử	Cái/đội	2	
17	Hệ thống điện tử	Bộ/đội	1	
18	Hình nộm	Cái/đội	4	
19	Khung cầu môn Bóng đá 5 người	Bộ	5	
20	Loa kéo (hướng dẫn chuyển môn ngoài trời)	Cái	2	
21	Máy bắn bóng	Cái/Sân	1	
22	Máy bắn bóng bàn	Cái/bàn	1	
23	Máy bắn cầu	Cái/Sân	1	
24	Máy chạy	Bộ	6	
25	Máy chấm điểm điện tử + Tay điều khiển chấm điểm	Bộ	2	
26	Máy chiếu	Bộ	1	
27	Máy đếm vòng (cầm tay)	Chiếc/đội	1	
28	Máy ép Platic	Cái	1	
29	Máy kẻ sân	Cái	1	
30	Máy quay giám sát	Cái	2	
31	Rào chạy	Bộ/đội	1	
32	Súng phát lệnh	Cái	1	
33	Sàn tập luyện	Sàn/vđv	2	
34	Tạ tay	Bộ	6	
35	Tạ tập luyện	Bộ/vđv	1	
36	Tạ thi đấu	Bộ/giải	1	
37	Thảm thi đấu môn Taekwondo	Bộ	2	
38	Thang gióng	Bộ/đội	2	
39	Thang leo	Cái/đội	2	
40	Trụ đâm đá tự đứng	Bộ/vđv	1	
41	Xe cật cỏ	Cái	1	
42	Xe đạp băng đồng	Cái/vđv	1	
43	Xe đạp đồ đèo	Cái/vđv	1	
44	Xe đẩy chuyển rào	Cái/Đội	1	
45	Xe đẩy vận chuyển tạ, lao	Cái/Đội	1	

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
46	Xe lu mạt sân cỏ	Cái	1	
47	Xe máy	Chiếc/đội	1	
V	Trường Trung cấp văn hóa nghệ thuật và du lịch			
1	Âm li các loại	Cái	6	
2	Camera	Bộ	15	
3	Camera giám sát	Bộ	3	
4	Đàn piano cơ	Cái	6	
5	Đàn piano điện	Cái	6	
6	Đàn ghi ta Bass	Chiếc	4	
7	Đàn ghi ta Săng	Chiếc	4	
8	Điều hoà phòng tin học	Bộ	2	
9	Hệ thống chuông báo giờ tự động	Hệ thống	1	
10	Lò treo tường	Bộ	15	
11	Máy ảnh	Cái	1	
12	Máy cắt cỏ	Cái	1	
13	Máy quay phim tư liệu	Cái	1	
14	Máy tính phòng tin học	Bộ	32	
15	Ôn áp Lioa	Cái	3	
16	Trống da	Bộ	3	
17	Trống dân tộc	Bộ	5	
	PHỤ LỤC VI - CƠ SỞ GIÁO DỤC			
A	CẤP MẦM NON			
II	Thiết bị lắp đặt tại các phòng chức năng			
3	Phòng học ngoại ngữ			
	Máy vi tính	Bộ	1	
	Bộ máy chiếu/Smart TV	Cái	1	
5	Phòng Y tế			
	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	
B	CẤP TIỂU HỌC			
I	Thiết bị dùng chung			
-	Cột bóng rổ	Bộ	2	
-	Cầu môn bóng đá	Bộ	2	
-	Cột và lưới bóng chuyền hơi	Bộ	2	

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
III	Thiết bị lắp đặt tại các phòng chức năng			
2	Phòng học ngoại ngữ			
-	Loa	Cái	2	
3	Phòng âm nhạc			
-	Tủ đựng thiết bị	Cái	1	
4	Phòng mỹ thuật			
-	Tủ đựng thiết bị	Cái	1	
V	Thư viện			
-	Tủ đựng tài liệu	Cái	5	
C	CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ			
I	Thiết bị dùng chung			
-	Cột và lưới cầu lông	Bộ	2	
III	Thiết bị lắp đặt tại các phòng chức năng			
1	Phòng học tin học			
-	Điều hòa	Bộ	Theo diện tích thực tế	
-	Hệ thống âm thanh	Bộ	1	
3	Phòng học đa phương tiện			
-	Bộ máy chiếu/Smart TV	Bộ	1	
7	Phòng mỹ thuật			
-	Bộ máy vi tính để bàn hoặc xách tay	Bộ	1	
-	Tủ đựng thiết bị	Cái	1	
9	Phòng đoàn đội			
-	Bộ máy vi tính	Bộ	1	
11	Phòng truyền thống			
-	Tủ đựng thiết bị	Cái	1	
IV	Nhà đa năng			
-	Bộ máy chiếu/Smart TV	Bộ	1	
E	THIẾT BỊ PHỤC VỤ KỶ THI THPT QUỐC GIA (SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO)			
-	Máy photocopy màu khổ A3 tốc độ cao	Cái	2	
-	Máy chủ chấm thi trắc nghiệm	Cái	2	
	PHỤ LỤC VII - KHỐI NGÀNH PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH			

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
1	Anten thu truyền hình số	Bộ	5	
2	Bàn điều khiển ánh sáng	Chiếc	7	
3	Bàn trộn âm thanh	Bộ	2	
4	Bàn trộn hình	Bộ	2	
5	Bàn trộn hình cho Studio, xe truyền hình lưu động	HT	6	
6	Bảng điều khiển chính tại các Studio	Chiếc	4	
7	Bảng điều khiển tại phòng dựng	Chiếc	10	
8	Bảng điều khiển trung tâm tại Tổng khống chế	Chiếc	4	
9	Bộ chảo lưới thu vệ tinh	Bộ	2	
10	Bộ chia tín hiệu điều khiển đèn DMX	Bộ	10	
11	Bộ chuyển đổi quang điện- điện quang tín hiệu mạng	Bộ	10	
12	Bộ chuyển đổi tín hiệu âm thanh để kết nối qua cáp mạng	Chiếc	10	
13	Bộ chuyển đổi tín hiệu quang sang RF	Bộ	5	
14	Bộ chuyển đổi tín hiệu RF sang Video Audio	Bộ	5	
15	Bộ chuyển đổi tín hiệu Video Audio sang tín hiệu DVB -T	Bộ	1	
16	Bộ chuyển đổi Video Mini - HDMI to SDI 6G	Bộ	1	
17	Bộ chuyển đổi Video Mini - Optical Fiber 12G	Bộ	2	
18	Bộ chuyển đổi Video Mini - Audio to SDI 2	Bộ	1	
19	Bộ chuyển đổi Video Mini - SDI to Audio	Bộ	1	
20	Bộ chuyển mạch hình tiếng - Anagog	Cái	4	
21	Bộ điều khiển công suất đèn	Bộ	2	
22	Bộ định tuyến âm thanh số	Bộ	1	
23	Bộ ghép nối tín hiệu hiện trường qua điện thoại, di động, mạng IP	Cặp	10	
24	Bộ Multiview 4- 16 đường	Chiếc	12	
25	Bộ phân phối Audio và Video	Bộ	13	
26	Bộ phát Wifi	Bộ	6	
27	Camera cho Studio, xe truyền hình lưu động gồm phụ kiện	Bộ	22	

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
28	Đầu ghi/phát âm thanh kỹ thuật số, dùng thẻ nhớ kèm bảng điều khiển	Bộ	4	
29	Đèn chiếu sáng	Chiếc	275	
30	Hệ thống anten máy phát hình kỹ thuật số mặt đất DVB - T2	HT	5	
31	Hệ thống cáp quang nối từ đường cột nhà mạng đến 3 trạm phát lại	Bộ	5	
32	Hệ thống giám sát và vận hành thiết bị từ xa	HT	5	
33	Hệ thống màn hình background cho Studio	HT	18	
34	Hệ thống máy phát hình số mặt đất DVB T2 - UHF 300 W	HT	5	
35	Hệ thống quản lý tài nguyên MAM	HT	2	
36	Hệ thống thu vệ tinh Band C	HT	2	
37	Hệ thống thu vệ tinh Band Ku	HT	2	
38	Hệ thống truyền thanh cơ sở áp dụng công nghệ mới đường truyền theo địa chỉ IP gắn liền với mạng viễn thông	Bộ	307	
39	Hệ thống: Tủ lắp đặt, bảo quản thiết bị mạng, hệ thống cáp, máng cáp	HT	4	
40	Khung giàn giá lắp đèn trong Studio	HT	5	
41	Loa cho sân khấu, Studio	Chiếc	28	
42	Loa siêu âm trầm sân khấu, Studio	Chiếc	10	
43	Màn hình Monitor	Chiếc	89	
44	Máy ghi âm để bàn	Chiếc	3	
45	Máy nâng hạ dàn đèn	HT	2	
46	Máy nổ phát điện 120KVA	HT	3	
47	Máy phát quang	Máy	1	
48	Máy tính Workstation	Bộ	30	
49	Micro có dây	Chiếc	100	
50	Micro không dây	Bộ	95	
51	Mô đun quang 3G	Bộ	2	
52	SDI Video Inputs: 1 x SD, HD or 6G-SDI, 1 x ALT SDI Input for automatic switch over if main input fails	Bộ	1	

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
53	Server lưu trữ dữ liệu dùng chung	Bộ	2	
54	Switch mạng	Chiếc	38	
55	Switch mạng layer 3 -1GBps không ít hơn 24 Port	Chiếc	10	
56	Tai nghe kèm Micro cho hệ thống liên lạc nội bộ, bộ đàm, Camera Studio	Chiếc	30	
57	Thiết bị kết nối tín hiệu hiện trường cho truyền hình	Bộ	4	
58	Thiết bị liên lạc nội bộ có dây	HT	3	
59	Thiết bị liên lạc nội bộ không dây	HT	3	
60	Tivi Monitor kiểm tra 32 inch	Cái	40	
61	UPS Online 100KVA	HT	1	
62	UPS Online 10KVA	HT	3	
63	UPS Online 2 KVA	Chiếc	21	
64	UPS Online 5 KVA	Chiếc	8	
PHỤ LỤC VIII - CÁC ĐƠN VỊ KHÁC				
II	Sở Giao thông vận tải			
1	Thiết bị trích xuất dữ liệu thông tin từ thiết bị giám sát hành trình (để kiểm tra, giám sát hành trình chạy xe ô tô)	Cái	1	
III	Sở Công thương			
1	Máy in A3	Cái	1	
V	Sở Khoa học và Công nghệ			
Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng				
1	Máy đo tuổi vàng	Cái	1	
2	Mẫu chuẩn vàng Au-Ag (Au 99,99%) dùng để kiểm tra đường chuẩn của máy đo hàm lượng vàng Horiba (Model: Mesa – 50)	Mẫu	1	
3	Mẫu chuẩn vàng dùng để kiểm tra đường chuẩn Au-Cu (hàm lượng Au 7x,xx%), dùng để kiểm tra đường chuẩn của máy đo hàm lượng vàng Horiba (Model: Mesa – 50)	Mẫu	1	
4	Mẫu chuẩn vàng dùng để kiểm tra đường chuẩn Au-Cu(hàm lượng Au 5x,xx%), dùng để kiểm tra đường chuẩn của máy đo hàm lượng vàng Horiba (Model: Mesa – 50)	Mẫu	1	

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
5	Mẫu chuẩn vàng dùng để kiểm tra đường chuẩn Au-Cu (hàm lượng Au 3x,xx%, dùng để kiểm tra đường chuẩn của máy đo hàm lượng vàng Horiba (Model: Mesa – 50)	Mẫu	1	
	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng			
1	Bộ thiết bị hiệu chuẩn nhiệt kế y học	Bộ	1	
2	Bộ thiết bị chuẩn kiểm định/ hiệu chuẩn nhiệt kế y học điện tử tiếp xúc có cơ cấu cực đại	Bộ	1	
3	Bộ thiết bị chuẩn kiểm định/ hiệu chuẩn nhiệt kế y học điện tử bức xạ hồng ngoại đo tai	Bộ	1	
4	Tủ chuẩn nhiệt ẩm kế PGC- Kiểm định/ hiệu chuẩn nhiệt ẩm kế không khí, phòng thí nghiệm	Bộ	1	
5	Thiết bị lưu động tạo nhiệt/ẩm chuẩn kiểm định hiệu chuẩn thiết bị đo nhiệt ẩm môi trường	Bộ	1	
6	Nguồn chuẩn điểm sương hiệu chuẩn các thiết bị; cảm biến điểm sương	Bộ	1	
7	Bộ thiết bị chuẩn nhiệt đa kênh (16 kênh), (30 kênh)	Bộ	1	
8	(Kiểm định hiệu chuẩn các loại tủ nhiệt, tủ sấy lò sung, tủ môi trường, tủ đông lạnh, tủ mát, tủ ẩm, tủ BOD, tủ trữ lạnh, kho đông lạnh,...)	Bộ	1	
9	Bộ thiết bị kiểm định nồi hấp tiệt trùng y tế	Bộ	1	
10	Bộ thiết bị hiệu chuẩn nhiệt kế thủy tinh thủy ngân trong công nghiệp + nhiệt kế bức xạ hồng ngoại	Bộ	1	
11	Thiết bị kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật máy thở và máy gây mê kèm thở	Bộ	1	
12	Thiết bị kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật máy đốt điện cao tần (dao mổ điện) kèm máy kiểm tra tần số	Bộ	1	
13	Bộ thiết bị kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật cho lồng ấp trẻ sơ sinh/giường sưởi ấm	Bộ	1	
14	Thiết bị kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật máy rung tim, máy tạo nhịp tim ngoài	Bộ	1	
15	Thiết bị kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật máy thận nhân tạo	Bộ	1	
16	Thiết bị phân tích kiểm tra an toàn điện, các thiết bị y tế	Bộ	1	
17	Bộ thiết bị kiểm định huyết áp kế điện tử lưu động	Bộ	1	

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
18	Bộ Phantom chuẩn kiểm tra ngưỡng tương phản và độ méo vận ảnh của máy X – Quang tăng sáng truyền hình và Dụng cụ kiểm tra tiêu điểm bóng X quang thường quy	Bộ	1	
19	Thiết bị kiểm tra chất lượng hình ảnh CT-Scanner	Bộ	1	
20	Bộ Phatom chuẩn kiểm định các máy chuẩn X quang răng và răng toàn cảnh	Bộ	1	
21	Thiết bị đo khảo sát liều phóng xạ Alpha, Beta, gamma và tia X	Bộ	1	
22	Bộ thiết bị, kiểm tra, hiệu chuẩn máy siêu âm dùng trong Y tế	Bộ	1	
23	Bộ chuẩn kiểm tra các hệ thống siêu âm 3D/4D	Bộ	1	
24	Thiết bị kiểm định/hiệu chuẩn máy theo dõi bệnh nhân	Bộ	1	
25	Bộ thiết bị, kiểm định hiệu chuẩn máy truyền dịch và bơm tiêm điện	Bộ	1	
26	Thiết bị kiểm tra máy theo dõi SPO2 (nồng độ oxy trong máu)	Bộ	1	
27	Thiết bị hiệu chuẩn đèn chiếu vàng da (máy đo bức xạ quang trị liệu)	Bộ	1	
28	Thiết bị đo điện trở cách điện cao tần	Bộ	1	
29	Mẫu chuẩn kiểm tra chất lượng hình ảnh máy công hưởng từ	Bộ	1	
30	Thiết bị kiểm tra hiệu chuẩn các bộ cảm biến kiểu khí nén	Bộ	1	
31	Thiết bị đo nồng độ các loại khí y tế	Bộ	1	
32	Hệ thống thiết bị kiểm định/hiệu chuẩn máy nội soi Endobench XT	Bộ	1	
33	Bộ chuẩn phương tiện đo khúc xạ mắt, thấu kính đo thị lực	Bộ	1	
34	Bộ thiết bị kiểm định nồi hấp tiệt trùng y tế	Bộ	1	
35	Bộ thiết bị hiệu chuẩn nhiệt kế y học (thủy tinh - thủy ngân)/ nhiệt kế y học điện tử tiếp xúc/ nhiệt kế y học bức xạ hồng ngoại đo tại	Bộ	1	
36	Tủ chuẩn nhiệt ẩm- kiểm định hiệu chuẩn nhiệt ẩm kế - theo dõi nhiệt ẩm (y dược)	Bộ	1	
37	Bộ thiết bị chuẩn nhiệt đa kênh - Hiệu chuẩn các loại tủ nhiệt trong y tế	Bộ	1	
38	Bộ thiết bị hiệu chuẩn tủ an toàn sinh học/ tủ cây vi sinh	Bộ	1	

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
39	Thiết bị hiệu chuẩn máy UV Vis, block nhiệt máy PCR, realtime PCR, mật độ quang học cho máy đọc ELISA, thử nghiệm rò rỉ màng lọc HEPA	Bộ	1	
40	Bộ thiết bị hiệu chuẩn ly tâm, máy lắc máu	Bộ	1	
41	Bộ thiết bị đo tải trọng thử điện tử (lực kế điện tử) (tải max 2 tấn, 5,10,25, 50 tấn)	Bộ	1	
42	Máy đo vận tốc dài, vận tốc vòng quay	Bộ	1	
43	Thiết bị đo điện trở cách điện - Chỉ thị số	Bộ	1	
44	Bộ thấu kính chuẩn kiểm định máy đo tiêu cự kính mắt	Bộ	1	
	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học và công nghệ			
1	Bộ chậu rửa Inox	Bộ	2	
2	Bộ PiPet	Bộ	2	
3	Bộ tạo ẩm	Cái	5	
4	Card dựng phim	Cái	1	
5	Cân phân tích điện tử hiện số	cái	3	
6	Đèn gas nuôi cấy mô	Cái	2	
7	Đồng hồ đo độ ẩm	Cái	5	
8	Giàn giá nuôi trồng	Cái	50	
9	Hệ thống bàn thí nghiệm trung tâm	Bộ	1	
10	Hệ thống bàn thí nghiệm áp tường	Bộ	1	
11	Hệ thống máy dựng hình	Bộ	1	
12	Kho lạnh	Cái	1	
13	Máy chiếu ảnh	Cái	1	
14	Máy sao lưu dự phòng	cái	1	
15	Máy tính chủ dữ liệu	Cái	2	
16	Micro camera dùng	Bộ	2	
17	Loa kiểm âm	Bộ	1	
18	Tivi	Cái	2	
19	Máy ảnh chuyên dùng	Bộ	2	
20	Máy quay phim	Bộ	2	

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
21	Máy đo PH	Cái	4	
22	Máy lọc tròn	cái	2	
23	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	2	
24	Máy cất nước 1 lần	Cái	1	
25	Máy cất nước 2 lần	Cái	1	
26	Máy hút ẩm	Cái	5	
27	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	2	
28	Ống kính máy ảnh	Ống	8	
29	Tủ âm	Cái	1	
30	Tủ cấy vô trùng	Cái	2	
31	Tủ đựng hóa chất	Cái	1	
32	Tủ hút khí độc	cái	1	
33	Tủ lạnh	Cái	1	
34	Tủ lạnh sâu bảo quản giống	Cái	1	
35	Tủ sấy	Cái	2	
VII	Sở Thông tin và truyền thông			
	Trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông (TT tích hợp dữ liệu tỉnh)			
1	Hệ thống access control cửa ra vào	Hệ thống	1	
2	Hệ thống cảm biến nhiệt độ độ ẩm và cảnh báo SMS	Hệ thống	1	
3	Hệ thống camera giám sát	Hệ thống	1	
4	Hệ thống cân bằng tải	Hệ thống	2	
5	Hệ thống điều hoà công nghiệp	Hệ thống	1	
6	Hệ thống máng cáp, trunking	Hệ thống	1	
7	Hệ thống quản lý rà quét thu thập lỗ hổng, giám sát an ninh mạng cho các trang thông tin	Hệ thống	1	
8	Hệ thống quản lý truy cập đặc quyền và định danh đặc quyền; Hệ thống Quản lý tài khoản và truy cập đặc quyền (PAM)	Hệ thống	1	
9	Hệ thống SAN Switch	Hệ thống	1	
10	Hệ thống siêu hội tụ điện toán đám mây	Hệ thống	4	
11	Hệ thống thu thập và phân tích log	Hệ thống	1	

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
12	Hệ thống UPS 40KVA	Hệ thống	1	
13	Thiết bị bảo mật Web Application Firewall	Bộ	1	
14	Thiết bị chuyển mạch nhánh	Bộ	5	
15	Thiết bị chuyển mạch trung tâm	Bộ	2	
16	Thiết bị lưu trữ SAN	Hệ thống	1	
17	Thiết bị mạng switch kết nối hệ thống siêu hội tụ điện toán đám mây	Bộ	2	
18	Thiết bị NAS Synology	Hệ thống	1	
19	Thiết bị tường lửa cho thư điện tử Email Security Gateway	Bộ	2	
20	Tủ Rack 42U	Tủ	4	
VIII	Sở Lao động thương binh và xã hội			
	Cơ sở điều trị nghiện ma túy			
1	Bàn bi a	cái	5	
2	Bộ bàn ghế phòng ăn cán bộ (bàn tròn 10)	Bộ	25	
3	Bộ đàm cầm tay	Bộ	120	
4	Hệ thống thiết bị tập thể dục ngoài trời	HT	5	
5	Máy ảnh	Cái	2	
6	Máy bấm cò, chuỗi	Cái	1	
7	Máy bào tay	Cái	1	
8	Máy cưa đẩy	Cái	1	
9	Máy cưa xích	Cái	2	
10	Máy massage đa năng	cái	5	
11	Máy phân tích nước tiểu	cái	1	
12	Máy rò kim loại cầm tay	Cái	3	
13	Máy siêu âm màu 4D	Cái	1	
14	Máy tạo ôxi loại 12 lít	Cái	5	
15	Máy xét nghiệm công thức máu, sinh hóa máu	Cái	1	
16	Máy phát cò	Cái	5	
17	Máy rửa xít	Cái	1	
18	Nồi đựng cơm canh Inox loại 80lít đến 120lít	cái	40	
19	Phòng xông hơi	Bộ	5	
20	Thiết bị bay DJI Mavic 3 F ly	Bộ	3	
	Trung tâm bảo trợ xã hội			

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
1	Bình nóng lạnh	Cái	15	
2	Bình nóng lạnh năng lượng mặt trời	Cái	4	
3	Bàn tiểu phẫu	Cái	6	
4	Bàn để dụng cụ y tế	Cái	2	
5	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ	4	
6	Bộ cầu môn bóng đá	Bộ	2	
7	Bếp gas công nghiệp	Bộ	3	
8	Cầu trượt liên hoàn 2 khối	Bộ	2	
9	Đèn tiểu phẫu	Cái	5	
10	Giường bệnh	Cái	10	
11	Giường cấp cứu đa năng	Cái	8	
12	Giá Inox để bát, khay của đối tượng	Cái	5	
13	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Bộ	6	
14	Máy chạy bộ	Cái	12	
15	Máy điện châm	Cái	10	
16	Máy điện tim	Cái	2	
17	Máy đo nhiệt độ	Cái	4	
18	Máy giặt công nghiệp	Cái	2	
19	Máy giặt cửa đứng loại 13kg	cái	2	
20	Máy hút đờm, dịch	Cái	7	
21	Máy khí dung	Cái	4	
22	Máy lọc nước công nghiệp	Cái	2	
23	Máy sấy quần áo công nghiệp	Cái	2	
24	Máy siêu âm tự liệu phục hồi chức năng	Cái	1	
25	Máy tạo Oxi kèm mặt nạ	cái	12	
26	Máy tập đa năng	Cái	5	
27	Máy xung điện tự liệu	Cái	3	
28	Nhà bóng (khu vui chơi của đối tượng)	Bộ	2	
29	Nồi cơm điện to	Cái	2	
30	Thú nhún (khu vui chơi của đối tượng)	Bộ	10	
31	Ti vi	Chiếc	15	
32	Tủ để thực phẩm khô	Cái	6	
33	Tủ đựng quần áo đối tượng	Cái	40	

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
34	Tủ nấu cơm gas, điện	Cái	4	
35	Tủ lạnh (180 lít)	Cái	2	
36	Tủ lạnh nhỏ lưu mẫu thức ăn	Cái	3	
37	Tủ hấp sấy dụng cụ	Cái	10	
38	Tủ y tế	Cái	4	
	TT điều trị và nuôi dưỡng, PHCN bệnh nhân tâm thần			
1	Bàn tiểu phẫu Inox, có đệm (có 3 phần: đầu, thân, chân)	Cái	1	
2	Băng ca cứu thương, gấp làm 4 khúc	Cái	1	
3	Bếp ga công nghiệp	Cái	2	
4	Bếp hầm đôi inox	Cái	2	
5	Bếp từ công nghiệp	Cái	2	
6	Bình nóng lạnh	Cái	4	
7	Bộ dụng cụ soi tai mũi họng chuyên dụng	Bộ	2	
8	Bộ tập tứ chi đa năng	Cái	1	
9	Bộ tiểu phẫu	Cái	2	
10	Đèn hồng ngoại	Cái	2	
11	Giá để bát đĩa, xoong nồi inox	Cái	4	
12	Giường bệnh	Cái	100	
13	Giường cấp cứu	Cái	2	
14	Giường cố định	Cái	2	
15	Giường kéo dẫn cột sống	Cái	4	
16	Hệ thống bình nước nóng năng lượng mặt trời	Cái	4	
17	Hệ thống lọc nước công nghiệp	HT	2	
18	Hệ thống xử lý nước lọc thô	HT	2	
19	Máy bơm nước	Cái	3	
20	Máy chạy bộ	Cái	10	
21	Máy điện não vi tính	Cái	1	
22	Máy điện tim 6 cần	Cái	1	
23	Máy điện xung điều trị	Cái	3	
24	Máy điện xung kết hợp siêu âm điều trị	Cái	3	
25	Máy giặt công nghiệp 60 kg	Cái	2	
26	Máy hút âm	Cái	2	

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
27	Máy hút đờm dãi	Cái	1	
28	Máy kích thích phát âm	Cái	2	
29	Máy laser điều trị	Cái	2	
30	Máy lưu huyết não	Cái	1	
31	Máy massage đa năng	Cái	10	
32	Máy phân tích huyết học tự động 18 thông số	Cái	1	
33	Máy phân tích nước tiểu	Cái	1	
34	Máy sấy công nghiệp 60kg	Cái	2	
35	Máy siêu âm màu 4 D	Cái	1	
36	Máy sinh hóa tự động 500 test/ giờ	Cái	1	
37	Máy sóng ngắn	Cái	2	
38	Máy siêu âm điều trị	Cái	3	
39	Máy tạo oxy	Cái	1	
40	Máy tập đa năng	Cái	2	
41	Máy tập vận động thụ động liên tục	Cái	2	
42	Máy từ trường điều trị	Cái	2	
43	Máy từ trường xuyên sọ	Cái	1	
44	Máy Xquang kỹ thuật số	Cái	1	
45	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	4	
46	Nồi nấu canh công nghiệp	Cái	2	
47	Quạt hơi nước công nghiệp	Cái	5	
48	Téc nước inox 3000L	Cái	10	
49	Tủ bảo quản thuốc	cái	5	
50	Tủ đông đá	Cái	2	
51	Tủ ga nấu cơm	Cái	2	
52	Tủ Inox đựng dụng cụ y tế	Cái	2	
53	Tủ lạnh bảo quản thức ăn	Cái	4	
54	Tủ mát bảo quản thức ăn thừa	Cái	1	
55	Tủ nấu cơm điện	Cái	2	
56	Tủ quần áo	Cái	50	
57	Tủ sấy dụng cụ tiệt trùng	Cái	1	
58	Xe đẩy đồ ăn inox	Cái	3	
PHỤ LỤC IX.1 - KHỐI BỆNH VIỆN ĐA KHOA				

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
1	Bàn mổ	Cái	9	
2	Bảng thị lực điện tử	Cái	2	
3	Bộ đèn đặt nội khí quản	Bộ	Theo nhu cầu	
4	Bộ dụng cụ chấn thương (Panh, kìm mang kim, kéo số nhỏ phù hợp VT mắt)	Bộ	2	
5	Bộ dụng cụ khoan tai	Bộ	2	
6	Bộ dụng cụ nội soi khí phế quản ống cứng (người lớn, nhi)	Bộ	1	
7	Bộ dụng cụ nội soi thực quản ống cứng	Bộ	1	
8	Bộ giác hơi	Bộ	10	
9	Bộ phẫu thuật nội soi lồng ngực	Bộ	1	
10	Bộ tập tay và bàn tay (hoạt động trị liệu)	Bộ	2	
11	Bơm thông lệ quản các số	Cái	3	
12	Đầu type Pharco (cong, thẳng)	Cái	5	
13	Hệ thống nội soi sản phụ khoa	Hệ thống	01	
14	Khung gá đầu bệnh nhân Mayfield	Cái	1	
15	Máy điện tâm đồ gắng sức	Cái	2	
16	Máy định lượng nuôi cấy vi sinh	Cái	2	
17	Máy đo ABR/ASSR (Điện thính giác thân não)	Cái	1	
18	Máy đo áp lực bóp bóng chèn ống nội khí quản	Cái	2	
19	Máy đo các dấu hiệu sinh tồn nhanh	Cái	2	
20	Máy đo huyết áp (cồng đo Huyết áp)	Cái	20	
21	Máy đo huyết áp điện tử	Cái	Theo nhu cầu	
22	Máy đo Ô xy bão hòa trong máu loại cầm tay	Cái	10	
23	Máy đo OAE (Âm ốc tai)	Cái	1	
24	Máy đóng gói dụng cụ quản lý đầu vào ra (Hệ thống đóng gói quản lý ISO)	Hệ thống	1	
25	Máy khoan cắt (Hummer)	Cái	2	
26	Máy khử khuẩn không khí	Cái	5	
27	Máy lắng máu tự động	Cái	1	
28	Máy ly tâm túi máu	Cái	2	
29	Máy miễn dịch hóa phát quang ROTS	Cái	1	
30	Máy soi huỳnh quang đánh giá mức độ vi sinh vật	Cái	1	
31	Optic nội soi tai mũi họng (người lớn, nhi)	Bộ	3	

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
32	Tủ đầu giường	Cái	Theo nhu cầu	
	PHỤ LỤC IX.2 - KHỎI BỆNH VIỆN CHUYÊN KHOA			
I	Bệnh viện Phong và Da liễu			
1	Máy điều trị bạch biến, vảy nến UVB tại chỗ	Cái	2	
2	Máy nâng cơ	Cái	2	
III	Bệnh viện Mắt			
1	Hệ thống ô xy trung tâm	Hệ thống	1	
2	Máy đếm tế bào nội mô	Cái	1	
3	Máy điện tâm đồ	Cái	2	
4	Máy đo công suất thủy tinh thể	Cái	2	
IV	Bệnh viện Y dược cổ truyền			
1	Bàn pha chế các loại	Cái	2	
2	Bộ đo độ còn (còn kế)	Cái	4	
3	Bộ đo tỷ trọng (tỷ trọng kế)	Bộ	2	
4	Bộ dụng cụ khám chuyên khoa mắt	Cái	3	
5	Bộ dụng cụ khám chuyên khoa nhi	Cái	3	
6	Bộ dụng cụ khám chuyên khoa răng hàm mặt	Cái	3	
7	Bộ dụng cụ khám chuyên khoa tai mũi họng	Cái	3	
8	Bộ dụng cụ khám chuyên khoa thần kinh	Bộ	5	
9	Bộ dụng cụ khám ngoại	Cái	3	
10	Bộ dụng cụ khám nội tổng hợp	Cái	3	
11	Bộ dụng cụ mở khí quản	Bộ	1	
12	Bộ dụng cụ rây dược liệu các loại	Bộ	2	
13	Bồn chứa thuốc nước	Cái	2	
14	Bồn ngâm kiệt	Cái	2	
15	Bồn pha chế thuốc nước	Cái	2	
16	Bồn tắm thuốc	Cái	5	
17	Buồng điều trị bằng tia hồng ngoại	Cái	5	
18	Buồng xông hơi ướt	Buồng	4	
19	Cân điện tử các loại	Cái	5	
20	Còn kế các loại	Cái	5	

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
21	Đèn đặt nội khí quản có camera	Bộ	1	
22	Đèn mổ treo trần	Cái	1	
23	Đèn tản phổ	Cái	5	
24	Dụng cụ sơ chế, chế biến thuốc cổ truyền	Bộ	3	
25	Dụng cụ tập kéo giãn gân cốt	Cái	3	
26	Giá đỡ dược liệu	Cái	10	
27	Giường châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt	Cái	70	
28	Giường hồi sức tích cực (ICU)	Cái	5	
29	Giường mát xa điều trị bằng điện	Cái	5	
30	Giường nghiêng, xoay	Cái	5	
31	Hệ thống chiết xuất và cô cao dược liệu	Hệ thống	2	
32	Hệ thống chưng cất cồn	Hệ thống	2	
33	Hệ thống chưng cất tinh dầu các loại	Hệ thống	2	
34	Hệ thống đóng thuốc nước, dán nhãn các loại	Hệ thống	2	
35	Hệ thống dụng cụ nội soi bàng quang chẩn đoán ung thư sớm	Hệ thống	1	
36	Hệ thống hội chẩn từ xa telehealht	Hệ thống	2	
37	Hệ thống hội nghị trực tuyến	Hệ thống	2	
38	Hệ thống khung lượng giá tư thế đứng	Hệ thống	5	
39	Hệ thống kiểm soát không khí, độ ẩm	Hệ thống	2	
40	Hệ thống lọc khí	Hệ thống	3	
41	Hệ thống lọc nước cho máy sinh hóa	Hệ thống	1	
42	Hệ thống lọc nước và xử lý nước	Hệ thống	1	
43	Hệ thống lọc cao thuốc	Hệ thống	2	
44	Hệ thống luyện tập cân bằng thần kinh tiền đình, phục hồi chức năng thần kinh.	Hệ thống	5	
45	Hệ thống Oxy trung tâm	Hệ thống	2	
46	Hệ thống Robot tập phục hồi chức năng chi trên	Hệ thống	5	
47	Hệ thống tán sỏi laser công suất lớn	Hệ thống	1	
48	Hệ thống tán sỏi niệu quản các loại	Hệ thống	1	
49	Hệ thống tán sỏi thận qua da	Hệ thống	1	
50	Hệ thống tổ hợp robot luyện tập vận động	Hệ thống	2	
51	Kính hiển vi các loại	Cái	2	

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
52	Máy bảo quản dược liệu	Cái	4	
53	Máy chiết rót và đóng nắp chai thuốc dạng nước	Cái	2	
54	Máy chủ	Cái	5	
55	Máy dán nhãn	Cái	2	
56	Máy điện phân thuốc	Cái	10	
57	Máy điện xung	Cái	10	
58	Máy điều trị chứng khó nuốt	Cái	4	
59	Máy điều trị Ion	Cái	7	
60	Máy điều trị khí áp lạnh	Cái	5	
61	Máy điều trị kích thích phát âm	Cái	5	
62	Máy điều trị luyện tập phát âm cho bệnh nhân mất khả năng nói	Cái	5	
63	Máy điều trị viêm khớp	Cái	10	
64	Máy đo chức năng hô hấp	Cái	3	
65	Máy đo huyết áp tự động	Cái	10	
67	Máy đo pH	Bộ	3	
68	Máy đọc nhóm máu tự động	Cái	2	
69	Máy đóng chèn túi lọc tự động	Cái	2	
70	Máy đóng gói thuốc dạng cốm	Cái	2	
71	Máy đóng thuốc gói	Cái	2	
72	Máy đóng thuốc nước	Cái	2	
73	Máy giặt công nghiệp	Máy	2	
74	Máy hút ẩm	Cái	10	
75	Máy khí dung các loại	Cái	10	
76	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	2	
77	Máy làm cốm	Cái	3	
78	Máy làm viên hoàn cứng	Cái	3	
79	Máy làm viên hoàn mềm	Cái	2	
80	Máy phá rung tim và tạo nhịp tim	Cái	1	
81	Máy phục hồi chức năng nuốt	Cái	4	
82	Máy rây bột các loại	Cái	2	
83	Máy sát hạt khô	Cái	1	
84	Máy sát hạt ướt	Cái	1	
85	Máy sấy công nghiệp	Máy	2	

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
86	Máy sấy tăng sôi	Cái	1	
87	Máy siêu âm điều trị	Cái	4	
88	Máy sữa hạt ướt	Cái	2	
89	Máy tạo hạt thuốc dạng cốm	Cái	2	
90	Máy tạo oxy	Cái	10	
91	Máy tập đi bộ	Cái	20	
92	Máy tập gấp duỗi khớp hông, khớp gối và mắt cá chân	Cái	5	
93	Máy tập toàn thân	Cái	5	
94	Máy tập vận động cột sống	Cái	5	
95	Máy tính bảng	Cái	15	
96	Máy trộn chữ V	Cái	1	
97	Máy xát hạt các loại	Cái	1	
98	Máy xét nghiệm điện giải đồ	Cái	2	
99	Máy bao phim, bao đường tự động	Cái	2	
100	Máy in hạn dùng	Cái	2	
101	Nhiệt âm kế	Cái	10	
102	Robot tập cho ngón tay	Cái	5	
103	Robot tập đi	Máy	2	
104	Robot tập đi 12 kênh	Cái	5	
105	Robot tập vận động cho người bệnh	Máy	2	
106	Thiết bị tập luyện cơ sàn chậu	Cái	2	
107	Tủ âm	Cái	10	
108	Tủ bảo quản	Cái	10	
109	Tủ bảo quản hoá chất	Cái	5	
110	Tủ bảo quản mẫu	Cái	5	
111	Tủ hấp âm (dùng hấp điện cực điện xung, điện phân)	Cái	4	
112	Tủ sấy thuốc dạng cốm	Cái	2	
113	Xà đơn nhiều tầng	Cái	5	
114	Xe đẩy cấp phát thuốc	Cái	20	
115	Xe đẩy đồ vải	Cái	5	

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
116	Xe đẩy hàng	Cái	2	
V	BỆNH VIỆN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG			
1	Bàn tập đa chức năng - Hoạt động trị liệu điều chỉnh bằng tay quay di chuyển dễ dàng	Cái	1	
2	Bàn tập phục hồi chức năng chỉnh thể nâng hạ bằng điện (bàn nghiêng)	Hệ thống	2	
3	Cầu thang tập đi	Cái	5	
4	Găng tay Robot Phục hồi chức năng C10	Bộ	2	
5	Hệ thống đo cân bằng cơ thể, phân tích và xử lý dữ liệu, hướng dẫn các bài tập qua hệ thống cảm ứng bàn chân Footblance	Hệ thống	1	
6	Hệ thống thực tế ảo mô phỏng lái xe ô tô	Hệ thống	1	
7	Hệ thống tổ hợp Robot cánh tay, bàn tay điều trị PHCN, tập cho chi trên của bệnh nhân sau đột quỵ, chấn thương, tích hợp phần mềm phản hồi nhận thức, tương tác âm thanh, video, hoạt cảnh 3D	Hệ thống	1	
8	Khung tập đa năng	Hệ thống	3	
9	Khung tập nhận thức và phân xạ thần kinh	Bộ	1	
10	Máy điều trị phục hồi chức năng nuốt ở bệnh nhân đột quỵ	Cái	1	
11	Máy điều trị từ trường toàn thân 2 kênh	Cái	4	
12	Máy điều trị từ trường xuyên sọ	Cái	2	
13	Máy điều trị và kích thích phát âm	Cái	2	
14	Máy đo niệu động học helix	Cái	2	
15	Máy kích thích cơ FES (loại mini cầm tay) và bộ điện cực	Bộ	2	
16	Máy kích thích phát âm mini (loại nhỏ, cầm tay)	Bộ	2	
17	Máy laser dạng scanner công suất 8000 mW	Cái	2	
18	Máy nhiệt lạnh	Cái	2	
19	Máy siêu âm tĩnh điều trị (2 kênh)	Cái	4	
20	Thang gắn tường gỗ	Cái	2	
21	Thang gắn tường Inox	Cái	2	
22	Thanh song song tập đi	Cái	2	
23	Xe đạp lực kế có nhịp tim	Cái	10	
VI	BỆNH VIỆN PHỔI			

Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
1	Bình oxy - đồng hồ đo áp lực - van điều chỉnh - bình làm ấm	Bộ	20	
2	Máy khí rung	Cái	20	
3	Máy khí rung siêu âm	Cái	2	
4	Máy sấy công nghiệp 30 kg	Máy	2	
5	Máy tạo oxy	Máy	4	
6	Tủ sấy	Máy	2	
	PHỤ LỤC IX.3 - VĂN PHÒNG SỞ Y TẾ, KHỐI TRUNG TÂM TUYẾN TỈNH, CHI CỤC TRỰC THUỘC SỞ Y TẾ			
II	Trung tâm kiểm soát bệnh tật			
1	Bẫy muỗi GAT	Cái	30	
2	Bộ dụng cụ điều tra côn trùng	Bộ	10	
3	Bộ dụng cụ khám chuyên khoa nhi	Bộ	2	
6	Bộ máy tính dụng chuyên dụng	Bộ	1	
7	Cáng bệnh nhân	Cái	8	
8	Kính hiển vi 2 mắt	Cái	1	
9	Máy AAS (Quang phổ hấp thụ nguyên tử)	Cái	1	
10	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	4	
11	Máy đo thân nhiệt từ xa cầm tay	Cái	20	
12	Máy đo thân nhiệt từ xa cố định	Hệ thống	2	
13	Máy phun hóa chất đeo vai	Cái	4	
14	Máy quét mã QR	Cái	10	
17	Tủ đựng thuốc	Cái	8	
III	Trung tâm pháp y			
1	Bàn để dụng cụ khám bệnh	Cái	2	
2	Đèn cò	Cái	2	
3	Máy điện tim	Cái	1	
4	Máy giặt	Cái	2	
5	Tủ lạnh lưu giữ bệnh phẩm	Cái	2	
6	Xe đẩy - băng ca	Cái	2	
	PHỤ LỤC IX.4 - VĂN PHÒNG SỞ Y TẾ, KHỐI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN/THÀNH PHỐ, TRẠM Y TẾ XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN			
1	Bộ vali thiết bị cầm tay kiểm vi sinh (có thể di động)	Bộ	3	



Số TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Ghi chú
3	Dụng cụ đo lưu lượng đình	Cái	3	
4	Máy đo chức năng phổi	Cái	3	
5	Thiết bị kiểm tra vi sinh nhanh an toàn vệ sinh thực phẩm	Cái	3	



Phụ lục III

BÁI BỎ TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1184/QĐ-UBND NGÀY 11/6/2020 CỦA UBND TỈNH

(Kèm theo Quyết định số: 1229/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh)

Số TT	Danh mục	Nội dung bãi bỏ	Ghi chú
	PHỤ LỤC VI - CƠ SỞ GIÁO DỤC		
B	CẤP TIỂU HỌC		
III	Thiết bị lắp đặt tại các phòng chức năng		
2	Phòng học ngoại ngữ		
-	Bộ điều khiển chính	Bộ	1
-	Bộ thiết bị truyền thông của học viên (máy học viên)	Bộ	1
C	CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ		
I	Thiết bị dùng chung		
-	Radio - Castsete	Chiếc	3
III	Thiết bị lắp đặt tại các phòng chức năng		
2	Phòng học ngoại ngữ		
-	Bộ điều khiển chính	Bộ	1
-	Bộ thiết bị truyền thông của học viên (máy học viên)	Bộ	45
D	CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG		
II	Thiết bị lớp học		
4	Máy in	Bộ	1
V	Thiết bị lắp đặt tại các phòng chức năng		
2	Phòng học ngoại ngữ		
-	Bộ điều khiển chính	Bộ	1
-	Bộ thiết bị truyền thông của học viên (máy học viên)	Bộ	40
7	Phòng đoàn đội		
-	Trống đội	Bộ	1
E	THIẾT BỊ PHỤC VỤ KỲ THI THPT QUỐC GIA (SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO)		
9	Lưu điện	Cái	10



Số TT	Danh mục	Nội dung bãi bỏ	Ghi chú
	PHỤ LỤC VII - KHỎI NGÀNH PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH		
1	Anten chảo + LNB band C	Bộ	4
2	Anten chảo + LNB band Ku	Bộ	4
3	Bàn trộn hình tiếng 4 đường và SDI	Bộ	2
9	Bộ chia mạng (switch) 1G, cửa vào 10G	Cái	20
10	Bộ chia mạng 10G 12 port	Cái	4
11	Bộ chia tín hiệu A-V 1-5	Cái	1
16	Bộ chuyển mạch hình tiếng Analog	Cái	4
18	Bộ đầu thu số mặt đất chuyên dụng có đầu ra SDI, có chức năng remultiplexing, descrambling và giải mã HD/H264	Bộ	2
24	Bộ dụng phi tuyến NLE và các phụ kiện kèm theo	Bộ	17
35	Bộ multiview tối thiểu 16 đường vào	Bộ	5
36	bộ multiview tối thiểu 4 đường vào	Bộ	9
45	Bộ thu radio AM,FM chuyên dụng	Cái	4
46	Bộ thu vệ tinh chuyên dụng chương trình từ vệ tinh, band C và Ku có đầu ra SDI	Bộ	8
47	Bộ trộn tín hiệu video - audio kỹ thuật số	Bộ	4
49	Bộ trộn tín hiệu video kỹ thuật số	Bộ	7
53	Camera cho studio, xe OBV: Thân máy và phụ kiện theo (không kèm ống kính)	Bộ	15
54	Camera không dây cho xe OBV: thân máy và phụ kiện kèm theo bao gồm cả phân phát và thu không dây	Bộ	1
58	Cáp đa âm thanh và trống cuộn cáp đa âm thanh 100m tối thiểu 8 đường XLR	Bộ	2
59	Cáp kết nối camera và trống cáp (tối thiểu 100m)	Bộ	8
60	Cáp nguồn và trống cuộn cáp nguồn chính 50m cho xe OBV	Bộ	2

Số TT	Danh mục	Nội dung bãi bỏ	Ghi chú
64	Hệ thống âm thanh cho sân khấu trong Studio: Bộ khuếch đại, dây cáp và điều chỉnh độ trễ âm thanh cho loa, Audio 32 ch. Mixer with variable output delay for PA sound, Bộ hiệu ứng âm thanh kỹ thuật số Digital audio effect, Bộ điều khiển, phân chia công suất tiếng PA sound and studio sound loa treo cột, trần, loa sân khấu	HT	3
65	Hệ thống ánh sáng cho Studio có khán giả (gồm hệ thống điều khiển, hệ thống đèn, tời, dàn treo, phong nền...)	HT	3
72	Hệ thống intercom-Tally: bao gồm máy trạm chính, các máy trạm phụ, máy trạm Wirelee, anten phát Wireless, các bảng điều khiển, máy con dùng dây, cáp kết nối, máy con dùng Wirelee, đèn báo, tai nghe và micro	HT	3
76	Hệ thống máy phát hình Analog bao gồm: Máy phát hình, bộ chung hợp hình tiếng, bộ cộng kênh, fider, bộ chia và hệ thống anten phát,...	HT	2
77	Hệ thống máy phát hình số mặt đất DVB-T2, 02 máy phát hình số mặt đất UHF - 1000w kênh 29,30; (Chỉ gồm phần điều chế DVB - T2 và ghép chương trình)	HT	1
78	Hệ thống phân phối tín hiệu âm thanh và video trong studio	HT	6
79	Hệ thống phân phối tín hiệu cho phòng Tổng không chế (gồm các tín hiệu: Complete HD SDI infrastructure; Tally connection from master control mixer to multi viewer; Complete intercom infrastructure; Synchronizing, Embedding and de embedding)	HT	1
80	Hệ thống quản lý tài nguyên và Server lưu trữ dữ liệu trung tâm dự phòng cho hệ thống chính: Hệ thống MAM tối thiểu cho 10 bộ dựng, 40 TB Storage, 10 Web user truy cập đồng thời. Gồm: MAM Application Sever, MAM Database/Web Sever.	HT	1

Số TT	Danh mục	Nội dung bãi bỏ	Ghi chú
81	Hệ thống Server lưu trữ dữ liệu trung tâm tổng dung lượng tối thiểu 240 TB. Central Storage system: Two metadata controllers, each with mirrored OS drives; Configurable in RAID 5 or RAID 6; Minimum Storage 192 TB, RAW; Redundant power supply; MAM software (incl. editor 25 user licenses, administration 5 user licenses)	HT	1
82	Hệ thống thiết bị thu/ phát tín hiệu HD SDI qua mạng cáp quang giao thức IP	HT	2
83	Hệ thống thiết bị thu/phát sóng HD SDI qua mạng 3G và 4G	HT	1
88	Màn hình đôi 9" HD/SD-SDI	Cái	4
80	Màn hình kiểm tra tín hiệu 20"	Cái	43
92	Màn hình multiview UHD 16:9 55"	Cái	2
93	Màn hình multiview UHD 16:9 65"	Cái	12
111	Máy tính thu ghi Audio kèm phụ kiện và phần mềm chuyên dụng	Bộ	6
112	Micro cho dàn nhạc/ nhạc cụ kèm giá đỡ chống rung, màng lọc âm, chân đỡ	Bộ	9
113	Micro có dây cho Studio	Cái	23
114	Micro không dây cho ca sỹ	Bộ	8
115	Micro không dây cho MC	Bộ	28
116	Micro không dây dùng được như có dây cho Camera	Bộ	45
117	Microphone thu ca sĩ kèm giá đỡ chống rung, màng lọc âm, chân đỡ Micro	Bộ	4
118	Ống kính Camera chuyên dụng 22x7,6 (mở rộng x2) và Behind control set for zoom and focus - full servo kit	Cái	9
119	Ống kính Camera chuyên dụng 18x5,5 (mở rộng x2) và Behind control set for zoom and focus - full servo kit	Cái	18
120	Ống kính Camera chuyên dụng 77x9,5 incl tens support và Behind control set for zoom and focus - full servo kit kèm theo chân chuyên dụng	Cái	2
123	Server lưu trữ dự phòng cho phát sóng, dung lượng 20 TB	Bộ	1
124	Server lưu trữ dự phòng cho SXCT, dung lượng 28 TB	Bộ	1
130	Tivi Full HD 40"	Cái	2

Số TT	Danh mục	Nội dung bãi bỏ	Ghi chú
131	Tivi HD 32"	Cái	8
132	Tivi UHD 55"	Cái	2
133	Tivi UHD 85"	Cái	4
	PHỤ LỤC IX.1 - KHỎI BỆNH VIỆN ĐA KHOA		
104	Bộ soi trực tràng loại ống cứng	Bộ	1
247	Máy cắt dịch kính	Cái	1
457	Máy nhuộm bệnh phẩm	Cái	1
	PHỤ LỤC IX.2 - KHỎI BỆNH VIỆN CHUYÊN KHOA		
IV	Bệnh viện Y dược cổ truyền		
30	Máy điện xung trị liệu dành cho bệnh nhân đột quỵ	Cái	10
55	Máy phun dung dịch khử khuẩn	Cái	1
	PHỤ LỤC IX.3 - VĂN PHÒNG SỞ Y TẾ, KHỎI TRUNG TÂM TUYẾN TỈNH, CHI CỤC TRỰC THUỘC SỞ Y TẾ		
II	Trung tâm kiểm soát bệnh tật		
110	Máy bơm hơi vôi trứng	Cái	1
129	Máy đo chức năng hô hấp	Cái	1